

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HS-ST
Ngày: 07-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Cúc

Ông Đinh Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn Ú - sinh ngày: 01/01/1979 tại xã T, tỉnh Vĩnh Long; Số căn cước: 086079003659 cấp ngày 19/8/2022; Nơi đăng ký HKTT: Ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Á (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); Có vợ tên La Thị R, có 04 người con, lớn nhất 26 tuổi, nhỏ nhất 20 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/4/2026 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Ông Lê Văn Đ - sinh năm: 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà La Thị R - sinh năm: 1974. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 07 tháng 02 năm 2026, anh Lê Văn Đ đến nhà bà La Thị R tại ấp H, xã H, tỉnh An Giang để nhận tiền số gạch do bà R đặt mua trước đó. Tại đây, bà R cho rằng trong những lần giao dịch trước Đ đã giao thiếu gạch nên không

đồng ý thanh toán, giữa anh Đ và bà R phát sinh mâu thuẫn cãi nhau. Lúc này, bị cáo Trần Văn Ú là chồng của R đến hỏi sự việc và xảy ra cự cãi nên ông Đ nói sẽ đập phá căn nhà của bà R để kiểm đếm số gạch. Sau đó, bị cáo Ú, bà R và ông Đ thống nhất cùng đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Khi bị cáo Ú điều khiển xuống máy đưa bà R và ông Đ qua sông, ông Đ tiếp tục nói sẽ đập phá căn nhà của bà R. Do tức giận, bị cáo Ú dùng mái dầm bằng gỗ đánh một cái vào vùng đỉnh đầu của ông Đ gây thương tích. Ngày 08 tháng 02 năm 2026, ông Đ có đơn yêu cầu xử lý bị cáo Ú theo quy định của pháp luật.

Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập ngày 07 tháng 02 năm 2026 ghi nhận trên vùng đỉnh đầu của Lê Văn Đ có 01 vết thương hở, dài khoảng 05 cm.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 145/KLTTCT-PY ngày 03 tháng 3 năm 2026, Trung tâm Pháp y tỉnh A kết luận:

Kết quả khám giám định ghi nhận sẹo phần mềm vùng đỉnh đầu xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn Đ tại thời điểm giám định là 02%. Vật gây thương tích là vật tày có cạnh.

Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 146/KLVGTT-PY ngày 03 tháng 3 năm 2026, Trung tâm Pháp y tỉnh A xác định:

Mái dầm bằng gỗ dài 176 cm, nặng 1.005 gram, chỗ rộng nhất 7,8 cm là vật tày có cạnh, có đặc tính gây thương tích phù hợp với đặc điểm tổn thương vùng đỉnh đầu và có thể gây ra thương tích của Lê Văn Đ.

Vật chứng của vụ án: 01 mái dầm bằng gỗ, dài 176 cm, chỗ rộng nhất 7,8 cm, nặng 1.005 gram, đã qua sử dụng.

Ngày 07/4/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Văn Ú.

Tại bản cáo trạng số: 64/CT-VKSAG ngày 16/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang đã truy tố bị can Trần Văn Ú về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn Ú từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 mái dầm bằng gỗ, dài 176 cm, chỗ rộng nhất 7,8 cm, nặng 1.005 gram, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự; Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Buộc bị cáo Trần Văn Ú bồi thường cho bị hại Lê Văn Đ tổng số tiền 7.400.000 đồng, gồm:

Chi phí khám, điều trị: 2.400.000 đồng.

Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 5.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường 4.500.000 đồng thu nhập thực tế bị mất, vì bị hại không điều trị nội trú, không có tài liệu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

xác định phải nghỉ lao động trong 15 ngày và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thực tế bị mất thu nhập với mức 300.000 đồng/ngày.

Theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại và tại phiên tòa, ông Lê Văn Đ yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và đề nghị bị cáo Ú phải bồi thường cho ông Đ tổng cộng 11.900.000 đồng, gồm các khoản như sau:

- Chi phí điều trị thương tích: 2.400.000 đồng;
- Tiền ngày công lao động: 15 ngày x 300.000 đồng/ngày = 4.500.000 đồng
- Bù đắp tổn thất tinh thần: 5.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Ú đã khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 07 tháng 02 năm 2026 tại ấp H, xã H, tỉnh An Giang, do mâu thuẫn trong việc mua bán gạch giữa ông Lê Văn Đ và bà La Thị R, bị cáo Trần Văn Ú đã dùng mái dầm bằng gỗ là hung khí nguy hiểm đánh 01 cái vào vùng đỉnh đầu của Lê Văn Đ, gây thương tích.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 145/KLTTCT-PY ngày 03 tháng 3 năm 2026, Trung tâm Pháp y tỉnh A kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn Đ tại thời điểm giám định là 02%. Vật gây thương tích là vật tày có cạnh và Kết luận giám định vật gây thương tích số 146/KLVGTT-PY ngày 03 tháng 3 năm 2026, Trung tâm Pháp y tỉnh A xác định: mái dầm bằng gỗ dài 176 cm, nặng 1.005 gram, chỗ rộng nhất 7,8 cm là vật tày có cạnh, có đặc tính gây thương tích phù hợp với đặc điểm tổn thương vùng đỉnh đầu và có thể gây ra thương tích của Lê Văn Đ.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại thời điểm thực hiện tội phạm, bị cáo có đầy đủ đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Giữa bị cáo và bị hại cũng không có mâu thuẫn gì trước chỉ mâu thuẫn nhỏ trong việc thực hiện hợp đồng mua bán gạch giữa vợ bị cáo và bị hại, do tức giận nhất thời bị cáo đã sử dụng mái dầm là hung khí nguy hiểm đánh trực tiếp vào vùng đỉnh đầu của ông Đ nhằm mục đích gây thương tích. Hậu quả gây tổn hại cho sức khỏe của ông Đ với tỷ lệ thương tật là 02%. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp

luật bảo vệ, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Đối chiếu hành vi của bị cáo với quy định của Bộ luật Hình sự đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Văn Ú đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại. Do đó có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và các tình tiết khác của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Ú có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, hậu quả bị cáo gây ra không lớn do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, giao bị cáo Ú cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt là đủ nghiêm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[4] Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị khấu trừ thu nhập. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Ú không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các vấn đề khác đối với bị cáo là có căn cứ. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 7 của Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Bị cáo Trần Văn Ú phải bồi thường cho ông Lê Văn Đ các khoản như sau:

- Chi phí điều trị thương tích: 2.400.000 đồng;
- Bù đắp tổn thất tinh thần: 5.000.000 đồng.

Tổng cộng là 7.400.000 đồng (*Bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*) nhưng khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tạm nộp (bà La Thị R nộp thay) là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000473 ngày 04/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bị cáo Ú còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Đ số tiền là 5.400.000 đồng (*Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng*)

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Lê Văn Đ về tiền ngày công lao động: 15 ngày x 300.000 đồng/ngày = 4.500.000 đồng. Xét thấy bị hại không nằm viện điều trị thương tích, không có chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế bị mất nên

yêu cầu về thu nhập thực tế bị mất không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy công cụ phạm tội là 01 mái dầm bằng gỗ, dài 176 cm, chỗ rộng nhất 7,8 cm, nặng 1.005 gram, đã qua sử dụng.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 47/QĐ-VKS-KV5 ngày 17/6/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn Ú phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2024 và năm 2025.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Ú phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn Ú 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh A nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Văn Ú cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Gia đình bị cáo Trần Văn Ú có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Văn Ú.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Buộc bị cáo Trần Văn Ú phải bồi thường cho ông Lê Văn Đ các khoản như sau:

- Chi phí điều trị thương tích: 2.400.000 đồng.
- Bù đắp tổn thất tinh thần: 5.000.000 đồng.

Tổng cộng là 7.400.000 đồng (*Bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*) nhưng khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tạm nộp (bà La Thị R nộp thay) là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000473 ngày 04/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bị cáo Ú còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Đ số tiền là 5.400.000 đồng (*Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo Ú không trả đủ tiền thì bị cáo Ú còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng bao gồm: 01 mái dầm bằng gỗ, dài 176 cm, cỡ rộng nhất 7,8 cm, nặng 1.005 gram, đã qua sử dụng.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 47/QĐ-VKS-KV5 ngày 17/6/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang.

5. Về án phí:

Bị cáo Trần Văn Ú phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07 tháng 08 năm 2026.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND KV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người LQ;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thúy An